

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 211/2024/HS-ST
Ngày: 23-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thân Văn Nhân

Bà Dương Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký TAND thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Đại diện VKSND thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tiến S – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 199/2024/TLST - HS ngày 07/9/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2024/QĐXXST-HS ngày 11/9/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị G, sinh năm 1980; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Quang K và bà Nguyễn Thị T; Chồng: Chu Bá C và 03 con; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại bản án số 72/2013/HSST ngày 17/4/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đã được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2013 đến ngày xét xử). Bị can đã chấp hành xong thời gian thử thách án treo năm 2014, chấp hành xong án phí ngày 30/9/2013.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại

Bà Đoàn Thị T1 – sinh năm 1943 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1982 (vắng mặt)

2. Chị Chu Thị H1 – sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Đình Cả, phường Quảng Minh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

3. Chị Nguyễn Thị N – sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Sen Hồ, phường Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

4. Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1947 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố Văn Xá, phường Bích Động, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

5. Anh Nguyễn Văn S1 - sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Dương Huy, xã Trung Sơn, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

6. Anh Đỗ Văn K1 – sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Nénh, phường Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

7. Anh Chu Bá C – sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Đông Long, phường Quảng Minh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

8. Anh Hoàng Văn C1 – sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị G, sinh năm 1980, sống cùng chồng là anh Chu Bá C, sinh năm 1979 ở tại tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Ngày 11/6/2024, bà Đoàn Thị T1, sinh năm 1943, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh là mẹ chồng G đến chơi và ở nhà G. Bà T1 được vợ chồng G bố trí ở một mình tại phòng khách. Do thiếu tiền chi tiêu, G nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của bà T1. Khoảng 9 giờ 50 phút ngày 21/6/2024 sau khi đi ăn sáng, G về nhà không thấy ai ở trong nhà. Gầm đi vào trong phòng bà T1 ở, thấy tủ để đồ của bà T1 đang sử dụng, không khóa, G mở cánh tủ, lục tìm tài sản. Gầm phát hiện trong túi sách màu đỏ của bà T1 để trong tủ có: 15.100.000 đồng và 01 dây chuyền bằng vàng, 04 chiếc nhẫn bằng vàng (gồm 01 nhẫn hình tròn mặt vuông có khắc chữ “HTC 2”; 01 nhẫn trơn hình tròn, mặt trong có chữ “9999 Đức Hiếu 2c”; 01 nhẫn trơn hình tròn, mặt trong có chữ “1CHP Sinh Diễn 9999”; 01 nhẫn hình tròn mặt trong có chữ “9999 Đức Hiếu 1c”. Gầm lấy toàn bộ số tiền, dây chuyền, nhẫn vàng nêu trên cất giấu vào trong trong túi áo khoác Gầm đang mặc rồi vứt một số quần áo xuống đất, mục đích để mọi người nghĩ do người khác đột nhập vào nhà lấy trộm tài sản. Sau đó, G điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 98K1-265.61 về nhà mẹ đẻ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1947, ở tổ dân phố V, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, mục đích để cất giấu số vàng vừa trộm cắp được. Tới nơi, G thấy chỉ có bà T ở nhà nên tự đi vào trong phòng bỏ trống không có ai ở cất giấu toàn bộ số nhẫn

bằng vàng, dây chuyền bằng vàng đã trộm cắp ở dưới đệm trên giường kê trong phòng và không nói cho bà T biết. Sau đó, G dùng tiền trộm cắp trả nợ các khoản vay trước đó cho bà T 2.500.000 đồng, chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang 500.000 đồng, chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981, trú tại tổ dân phố S, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang 1.400.000 đồng, chị Chu Thị H1, sinh năm 1981, trú tại tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang 1.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn S1, sinh năm 1979, trú tại thôn D, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang 3.000.000 đồng. Số tiền trộm cắp còn lại, G khai dùng 4.300.000 đồng mua 01 đôi khuyên tai bằng vàng tại cửa hàng vàng “B” ở tổ dân phố N, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang do anh Đỗ Văn K1, sinh năm 1984, ở cùng địa chỉ nêu trên làm chủ, đồng thời chi tiêu cá nhân các khoản khác hết 1.600.000 đồng, còn lại 800.000 đồng.

Ngày 21/6/2024, bà Đoàn Thị T1 có đơn trình báo Công an phường Q, thị xã V về việc bị mất trộm tài sản là tiền và vàng như nêu trên.

Ngày 22/6/2024, Công an phường Q chuyển hồ sơ tài liệu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã V giải quyết theo thẩm quyền. Cùng ngày, Nguyễn Thị G đến Công an thị xã V đầu thú khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của bà T1 nêu trên, G giao nộp: 01 điện thoại di động Iphone 11, màu ghi xám, số tiền 800.000 đồng trộm cắp còn lại. Căn cứ theo lời khai, Cơ quan điều tra đã cho G đi chỉ địa điểm cất giấu số vàng trộm cắp tại phòng bỏ trống trong nhà ở của bà T và đã thu giữ được toàn bộ 01 dây chuyền bằng vàng và 04 nhẫn bằng vàng như nêu trên, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “A”.

Ngày 26/7/2024 Anh Chu Bá C giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 98K1-265.61.

Ngày 05/8/2024, Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu Phòng K2 - Công an tỉnh B giám định hóa pháp đối với tài sản là vàng mà G đã trộm cắp, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “A”.

Tại Kết luận giám định số 1828/KL-KTHS ngày 06/8/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận: “01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng (dạng mắt xích) gửi giám định là kim loại vàng (ký hiệu hóa học: Au) có khối lượng là 2,95 chỉ; Hàm lượng vàng (A) là 99,16%. 01 nhẫn đeo tay hình tròn, có mặt vuông bằng kim loại màu vàng gửi giám định là kim loại vàng (ký hiệu hóa học: Au) có khối lượng là 2,0 chỉ; Hàm lượng vàng (A) là 99,15%. 01 nhẫn đeo tay hình tròn bằng kim loại màu vàng gửi giám định là kim loại vàng (ký hiệu hóa học: Au) có khối lượng là 2,0 chỉ; Hàm lượng vàng (A) là 99,92%. 01 nhẫn đeo tay hình tròn bằng kim loại màu vàng gửi giám định là kim loại vàng (ký hiệu hóa học: Au) có khối lượng là 1,0 chỉ; Hàm lượng vàng (A) là 99,06%. 01 nhẫn đeo tay hình tròn bằng kim loại màu vàng gửi giám định là kim loại vàng (ký hiệu hóa học: Au) có khối lượng là 1,0 chỉ; Hàm lượng vàng (A) là 99,56%.”

Ngày 13/8/2024, Cơ quan điều tra tiến hành Yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã V định giá đối với tài sản là vàng mà G đã trộm cắp của bà T1 ngày 21/6/2024 thu giữ được nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 125/KL-HĐĐGTS ngày 14/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã V kết luận trị giá tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt: 01 dây chuyền bằng vàng có khối lượng là 2,95 chỉ; Hàm lượng vàng là 99,16% có trị giá là 21.240.000 đồng. 01 nhẫn đeo tay hình tròn, có mặt vuông bằng vàng có khối lượng là 2 chỉ; Hàm lượng vàng là 99,15% có trị giá là 14.400.000 đồng. 01 nhẫn đeo tay hình tròn bằng vàng có khối lượng là 2 chỉ; Hàm lượng vàng là 99,92% có trị giá là 14.500.000 đồng. 01 nhẫn đeo tay hình tròn bằng vàng có khối lượng là 1 chỉ; Hàm lượng vàng là 99,06% có trị giá là 7.250.000 đồng. 01 nhẫn đeo tay hình tròn bằng vàng có khối lượng là 1 chỉ; Hàm lượng vàng là 99,56% có trị giá là 7.250.000 đồng. Tổng giá trị tài sản vàng Gấm đã trộm cắp là 64.640.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 209/CT-VKS ngày 07/9/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên đã truy tố Nguyễn Thị Gấm ra trước Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại **điểm c khoản 2** Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên đính chính phần họ tên bố tại trang 4 của Cáo trạng từ Nguyễn Văn Khánh thành Trần Quang K.

Bị cáo Nguyễn Thị G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là không oan, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử công bố lời khai của họ. Bị cáo không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị G từ 02 năm 06 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 22/6/2024.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; **điểm a, b** khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

+ Trả lại bà Đoàn Thị T1 01 dây chuyền là kim loại vàng có khối lượng là 2,95 chỉ, 01 nhẫn đeo tay hình tròn là kim loại vàng có khối lượng là 2,0 chỉ, **01 nhẫn đeo tay hình tròn, có mặt vuông là kim loại vàng có khối lượng là 2,0 chỉ**, 01 nhẫn đeo tay hình tròn là kim loại vàng có khối lượng là 1,0 chỉ, 01 nhẫn đeo tay hình tròn là kim loại vàng có khối lượng là 1,0 chỉ.

+ Trả lại bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, 01 xe mô tô nhãn hiệu Vision biển kiểm soát 98K1-265.61 và số tiền 800.000 đồng, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Việc vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử cho nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 9 giờ 50 phút ngày 21/6/2024, tại nhà ở của gia đình Nguyễn Thị G ở tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, G đã lén lút lục tủ đồ của bà Đoàn Thị T1 là mẹ chồng đang ở nhà của G rồi trộm cắp của bà T1 số tiền 15.100.000 đồng, 01 dây chuyền bằng vàng, 04 nhẫn bằng vàng có tổng trị giá là 64.640.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Gám trộm cắp 79.740.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu giữ được toàn bộ số vàng trên và 800.000 đồng để trả lại bị hại.

[4] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Do vậy, Cáo trạng số 209/CT-VKS ngày 07/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên truy tố bị cáo về tội danh và Điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự an xã hội tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Xét về nhân thân, tiền án, tiền sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về nhân thân: **Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị đưa ra xét xử về hình sự**

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội với bị hại là người trên 70 tuổi nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã giao nộp toàn bộ số vàng và một phần số tiền đã trộm cắp để trả lại bị hại; sau khi phạm tội đã ra đầu thú và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo có bố để được tặng thưởng huy chương kháng chiến nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo đã bị Tòa án đưa ra xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa mới đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

Xét về mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị, Hội đồng xét xử thấy là phù hợp với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo có tài sản nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: bà Đoàn Thị T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.100.000 đồng, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu ghi xám có số imei 353972106331435, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ nâu đen, biển kiểm soát 98K1-265.61 là tài sản của bị cáo nhưng không dùng vào việc phạm tội, số tiền 800.000 đồng là tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại còn chưa chi tiêu hết, tuy nhiên bị hại không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt, do vậy cần trả lại bị cáo các tài sản này nhưng được tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án. Đối với số vàng bị cáo chiếm đoạt là tài sản của bị hại cần trả lại cho bị hại là bà Đoàn Thị T1.

[10] Đối với bà Nguyễn Thị T không biết việc G cất giấu tài sản vàng đã trộm cắp trong nhà mình; bà T và những người nhận tiền trả nợ không biết tiền Gầm đưa trả nợ là do trộm cắp mà có nên không vi phạm pháp luật.

[11] Đối với Khuyên tai bằng vàng, G khai dùng tiền trộm cắp để mua nhưng sau đó để đâu không nhớ, anh K1 không nhớ có bán khuyên tai bằng vàng cho G không; số tiền trộm cắp G dùng trả nợ thì những người nhận được tiền đã chi tiêu hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Bị cáo hiện đang tạm giam để đảm bảo việc thi hành án, cần tiếp tục tạm giam bị cáo theo Điều 329 BLTTHS.

[13] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2, **khoản 5** Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị G 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 22/6/2024.

Phạt tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn*) để sung công quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; **điểm a, b** khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

+ Trả lại bà Đoàn Thị T1 01 dây chuyền là kim loại vàng có khối lượng là 2,95 chỉ, 01 nhẫn đeo tay hình tròn là kim loại vàng có khối lượng là 2,0 chỉ, **01 nhẫn đeo tay hình tròn, có mặt vuông là kim loại vàng có khối lượng là 2,0 chỉ**, 01 nhẫn đeo tay hình tròn là kim loại vàng có khối lượng là 1,0 chỉ, 01 nhẫn đeo tay hình tròn là kim loại vàng có khối lượng là 1,0 chỉ.

+ Trả lại bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, 01 xe mô tô nhãn hiệu Vision biển kiểm soát 98K1-265.61 và số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng chẵn), nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 BLTTHS 2015

Báo cho bị cáo có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- THAHS; THADS thị xã Việt Yên;
- Công an thị xã Việt Yên;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: HS, VP.

Đỗ Thị Tuyết